

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N H
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 7 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N H TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh
2. Ông Ngô Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T N, sinh năm: 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P M, xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Số 968/79 Q T, phường C L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Bùi T Đ, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn P M, xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N, ông Đ đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 - 01 - 2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T N và ông Bùi T Đ tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi

ngày 27/3/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông Đ có hành vi bạo lực gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị T N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi T Đ.

- Về con chung: Bà Lê Thị T N và ông Bùi T Đ có 01 đứa con chung tên Bùi T N, sinh ngày 04/9/2019. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 30 - 01 - 2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án bị đơn ông Bùi T Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng như bà Lê Thị T N trình bày là đúng. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông Đ đồng ý. Khi ly hôn thì ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định.

Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T N được ly hôn với ông Bùi T Đ.

- Về con chung: Giao cháu Bùi T N, sinh ngày 04/9/2019 cho bà Lê Thị T N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Bùi T Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Lê Thị T N và ông Bùi T Đ tự nguyện ly hôn trước khi mở phiên tòa nhưng không thỏa thuận được về việc nuôi con chung nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí đối với yêu cầu ly hôn; mỗi đương sự phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng bà Lê Thị T N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí án về yêu cầu ly hôn nên ông Bùi T Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị T N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N H giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi T Đ, trú tại thôn P M, xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện N H và quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị T N và ông Bùi T Đ tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H T, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi ngày 27/3/2018 nên hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông Đ có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông Đ là có thật, cả hai không tìm được hướng giải quyết nên đã sống ly thân; bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ, ông Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N; điều đó cho thấy trình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Lê Thị T N và ông Bùi T Đ.

- Về con chung: Bà Lê Thị T N và ông Bùi T Đ có 01 đứa con chung tên Bùi T N, sinh ngày 04/9/2019; hiện cháu Bùi T N đang ở với bà N.

Giữa bà N và ông Đ không thỏa thuận được về việc nuôi con khi ly hôn và có tranh chấp. Xét thấy cháu Bùi T N, sinh ngày 04/9/2019 hiện đang ở với mẹ, nên cần giao cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu tốt hơn ông Đ. Bà N, ông Đ ai cũng có thu nhập ổn định, Tòa án đã giải thích việc cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng bà N có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng và không có yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên không buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên tòa không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trước khi mở phiên tòa, bà Lê Thị T N và ông Bùi T Đ tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về việc nuôi con chung nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí đối với yêu cầu ly hôn; mỗi đương sự phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng bà Lê Thị T N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí án về yêu cầu ly hôn nên ông Bùi T Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 68, 203, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 55, khoản 3 Điều

81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV.QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Lê Thị T N và ông Bùi T Đ.

- Về con chung: Giao cháu Bùi T N, sinh ngày 04/9/2019 cho bà Lê Thị T N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Bùi T Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

2. Bà Lê Thị T N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001743 ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị T N số tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện N H;
- CCTHADS huyện N H;
- UBND xã H T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam